TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Huệ

2. Bà Võ Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 541/2022/HNST ngày 20/10/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3122/2023/QĐXXST-DS ngày 12/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 3557/2023/QĐST-DS ngày 11/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Vũ Đức T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 222 đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn ly hôn và các bản khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Vũ Đức T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 08/9/2017. Quá trình hôn nhân, từ năm 2018 đến nay, bà và ông T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, ông T thường xuyên cờ bạc, ham chơi và không chăm lo cho gia đình. Vì vậy, vợ chồng ông bà đã ly thân từ tháng 08 năm 2019 đến nay. Nhận thấy mục đích

hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình hôn nhân, bà T và ông T có 01 con chung là trẻ Vũ Thế S(Nam), sinh ngày 18/8/2017, bà yêu cầu giao con cho ông Vũ Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn. Mức cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T khai không có.

Bị đơn là ông Vũ Đức T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt, không bổ sung chứng cứ mới, không có ý kiến gì về các chứng cứ đã được công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/4/2023. Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn bị đơn - ông Vũ Đức T, do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Theo kết quả xác minh của Công an phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Vũ Đức T có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ 222 đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt đối với đương sự:

Theo kết quả xác minh của Công an phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết ông T có hộ khẩu thường trú tại 222 đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và có thực tế cư trú tại địa chỉ trên.

Dựa vào kết quả xác minh do Tòa án thu thập được; Tòa án đã T hành tống đạt thông báo công khai nội dung khởi kiện, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; thời gian, địa điểm tổ chức phiên họp tiếp cận việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa xét xử nhưng ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 T hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 82 do Ủy ban nhân dân phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/9/2017; Căn cứ lời khai của bà T về quá trình T đến hôn nhân giữa bà T và ông T là tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên có cơ sở xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ly hôn với ông Vũ Đức T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời trình bày của bà T quá trình hôn nhân bà và ông T thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ông T ham chơi, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình. Vì vậy, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay.

Nhận thấy mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Xét cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng ly thân kéo dài mà hai bên không có khả năng đoàn tụ, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

Ngoài ra, trong quá trình tố tụng, mặc dù ông T vắng mặt nhiều lần trong các phiên hoà giải và phiên toà nhưng Toà án cũng đã tống đạt hợp lệ cho ông T về Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như niêm yết các văn bản trên cho ông T. Ông T biết về yêu cầu ly hôn của bà T nhưng không phản đối. Việc phản đối phải được thể hiện

bằng văn bản hay phải thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 91 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó".*

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc ly hôn với ông Vũ Đức T.

[2.2] Về con chung:

Theo lời trình bày của bà T, trong quá trình hôn nhân, giữa nguyên đơn và bị đơn có con chung là trẻ Vũ Thế S(Nam), sinh ngày 18/8/2017. Nguyên đơn giao con cho ông T trực tiếp, nuôi dưỡng chăm sóc và mức cấp dưỡng do hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo kết quả xác minh tại văn bản số 154/UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: Trẻ Vũ Thế Shiện đang sinh sống cùng ông Vũ Đức T tại địa chỉ 222 đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án nhận thấy, hiện nay trẻ Sơn đang sinh sống cùng ông T ổn định, việc Tòa án giao con cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn là cần thiết cho sự phát triển ổn định của trẻ, tránh việc thay đổi chỗ ở và người trực tiếp nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc giao con chung cho ông Vũ Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận giữa bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều: 57; 58; 81; 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 ly hôn với ông Vũ Đức T, sinh năm 1986.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82 do Ủy ban nhân dân phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/9/2017).

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Vũ Thế S(Nam), sinh ngày 18/8/2017 cho ông Vũ Đức T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành. Hai bên tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004797 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./ .

Nơi nhận:
- VKSND Q 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Chi cục THADS Q1;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Hồng Hạnh